TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ QUAO** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 12-6-2020
"V/v Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Thật

Bà Vũ Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Danh Vũ Hải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 318/2019/TLST-HNGĐ, ngày 25/12/2019 về việc "Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1988 (có mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú tại: ấp Kinh 8, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Thái Đắc C, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 12/12/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị M trình bày:

Vào năm 2017, chị kết hôn cùng với anh Thái Đắc C, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 19/01/2017.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được khoảng 01 tháng thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi, mỗi lần xảy ra mâu thuẫn là anh C lại đuổi chị đi nhưng chị vẫn cố nhẫn nhịn để vợ chồng tiếp tục chung sống và mâu thuẫn bắt đầu lên đến đỉnh điểm từ tháng 12/2018 vợ chồng gây gỗ với nhau chồng đuổi chị đi và còn hăm dọa sẽ giết chết chị, do quá

sợ hãi vì lời đe dọa của chồng nên chị bỏ về nhà mẹ ruột sống nên vợ chồng ly thân từ đó đến nay đã hơn 01 năm. Suốt thời gian ly thân, chồng chị không có thiện chí để hàn gắn mà còn nhắn tin, gọi điện thoại hăm dọa chị nhiều lần. Chị nhận thấy chồng chị không thể sửa đổi và bản thân chị cũng không thể chấp nhận một người chồng có tính bạo lực nên yêu cầu được ly hôn.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 01 con chung tên Thái Quốc T – sinh ngày 08/10/2017, hiện nay đang sống cùng với chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Về hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Thái Đắc C; Về con chung, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung, không có nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/02/2020, bị đơn anh Thái Đắc C thống nhất lời trình bày của chị M về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Về mâu thuẫn vợ chồng, anh thừa nhận vợ chồng có nhiều bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, trong lúc nóng giận anh có đuổi vợ đi nhưng sau đó anh có tìm vợ để hàn gắn nhưng không được vợ đồng ý nên anh mới gọi điện thoại hăm dọa sẽ giết vợ với ý định để vợ quay về chứ không phải giết vợ thật. Vợ chồng cũng ly thân với nhau từ thời gian đó, suốt thời gian ly thân anh có gọi điện thoại để vợ chồng hàn gắn với nhau nhưng vợ không đồng ý.

Nguyện vọng: Về hôn nhân, anh C không đồng ý ly hôn, muốn đoàn tụ gia đình. Nếu vợ kiên quyết ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung, không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con chung" là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Chấp nhận cho Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Thái Đắc C; Về con chung: Giao con chung tên Thái Quốc T – sinh ngày 08/10/2017 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Về tài sản chung, nợ chung miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên Chị Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với

anh Thái Đắc C được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Anh Thái Đắc C với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Thái Đắc C xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2017, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 19/01/2017 theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Thái Đắc C vì lý do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống nên thường xảy ra cự cãi, mỗi lần cãi nhau là anh C lại đuổi chị đi và còn hăm dọa sẽ giết chết chị. Còn anh C thừa nhận, anh có đuổi chị đi, có dùng lời lẽ hăm dọa sẽ giết chết chị vì chị không chịu trở về sống cùng anh nên anh hăm dọa giết chị nhưng mục đích của anh chỉ hăm dọa chứ không có ý định giết chị như chị nghĩ, bản thân anh còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn mà muốn đoàn tụ. Tại phiên tòa, chị M giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn vì quá sợ hãi với những lời lẽ đe dọa từ anh C, hơn nữa, suốt thời gian ly thân anh C không những không thay đổi bản thân mà còn tiếp tục nhắn tin hăm dọa chị nhiều lần. HĐXX thấy rằng, do khi cưới nhau anh chị đã không tìm hiểu kỹ về cá tính của nhau nên sau một thời gian chung sống giữa chị M và anh C đã bộc lộ cá tính của mình và cả hai không còn duy trì được tình cảm yêu thương dành cho nhau nữa, mâu thuẫn trầm trọng xảy ra cụ thể là những lần anh C dùng lời lẽ đe dọa bạo lực đối với chị M dẫn đến việc anh chị phải sống ly thân với nhau. Mặc dù, anh C có nguyện vọng được đoàn tụ, không muốn ly hôn nhưng anh không thể hiện được tình cảm yêu thương dành cho vợ. Với tình trạng hôn nhân trầm trọng, thái độ hành xử bạo lực thường xuyên xảy ra trong đời sống vợ chồng của chị M và anh C làm cho hôn nhân của anh chị không thể kéo dài được nữa nên cần thiết phải chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M là phù hợp theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị M và anh C có 01 con chung tên Thái Quốc T – sinh ngày 08/10/2017, cháu T hiện đang sống cùng với chị M. Cả chị M và anh C đều có nguyện vọng được nuôi con và không ai yêu cầu cấp dưỡng. HĐXX thấy rằng từ lúc anh chị ly thân đến nay cháu T sống với chị M, do chị M chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu T được phát triển về mọi mặt như những đứa trẻ khác. Do đó, xét thấy yêu cầu nuôi con của chị M là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Xét về yêu cầu nuôi con của anh C với lý do nếu vợ chồng không thể hàn gắn được thì anh yêu cầu được nuôi con nhưng trong suốt quá trình kể từ khi chị M nộp đơn ly hôn đến khi xét xử anh vẫn chưa một lần đến thăm con nên việc giao cháu cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng sẽ có phần nào làm ảnh hưởng đến tinh thần của cháu. Vì vậy, cần thiết phải giao con chung cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định

tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh C không trực tiếp nuôi con nhưng vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Chị M không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Thái Đắc C xác định anh chị không có tài sản chung cũng không thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đ chị M phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Thái Đắc C.

2. Về con chung: Giao con chung tên Thái Quốc T – sinh ngày 08/10/2017 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền tới lui thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008703, ngày 25/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị M đã nộp xong án phí.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/6/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKS huyện Gò Quao;*
- *Chi cục THA huyện Gò Quao;*
- *UBND xã T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Nguyễn Kim Nhập